

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 1 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,503,219,047,801	1,218,475,787,544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34,097,098,070	32,823,139,329
1. Tiền	111	5	34,097,098,070	32,823,139,329
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	4,900,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4,900,000,000
III. Các khoản phải thu	130		481,975,593,025	360,885,617,856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	372,861,434,849	326,007,419,444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	89,341,664,729	9,893,887,776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	39,742,754,447	33,772,849,639
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(19,970,261,000)	(8,823,019,883)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	34,480,880
IV Hàng tồn kho	140	8	879,134,627,907	714,275,506,872
1. Hàng tồn kho	141		882,772,832,481	715,840,230,632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,638,204,574)	(1,564,723,760)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		108,011,728,799	105,591,523,487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	8,133,844,300	3,997,643,556
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		98,272,578,852	101,333,383,483
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,605,305,647	260,496,448
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93,385,856,370	87,736,112,678
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,339,780,000	2,323,780,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	7	2,339,780,000	2,323,780,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		83,693,439,035	84,785,964,920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	26,511,400,738	27,942,658,327
<i>Nguyên giá</i>	222		51,241,893,495	47,917,186,260
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24,730,492,757)	(19,974,527,933)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	57,182,038,297	56,843,306,593
<i>Nguyên giá</i>	228		59,067,105,098	58,509,622,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,885,066,801)	(1,666,316,305)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		355,372,542	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		355,372,542	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,997,264,793	626,367,758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	504,409,348	626,367,758
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,022,400,000	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	12	5,470,455,445	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,596,604,904,171	1,306,211,900,222

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		907,102,195,294	676,633,327,069
I. Nợ ngắn hạn	310		903,893,765,415	672,579,897,190
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.1	224,930,800,855	275,889,648,880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13.2	2,882,237,082	10,236,510,898
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9,093,654,687	5,628,886,679
4. Phải trả người lao động	314		19,007,136,672	20,109,595,096
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	7,020,836,212	1,135,201,197
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5,112,000,000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	14,902,652,891	17,011,020,754
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	620,944,447,016	342,569,033,686
II. Nợ dài hạn	320		3,208,429,879	4,053,429,879
7. Phải trả dài hạn khác	337	16	3,208,429,879	4,053,429,879
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		689,502,708,877	629,578,573,153
I. Vốn chủ sở hữu	410		689,502,708,877	629,578,573,153
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18.1	407,517,470,000	306,133,290,000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407,517,470,000	306,133,290,000
3. - Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	152,617,941,416
7. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
10. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
13. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.1	224,222,224,212	176,700,278,903
14. - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm tr.	421a		82,212,280,225	109,973,169,673
15. - LNST chưa phân phối năm nay	421b		142,009,943,987	66,727,109,230
16. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
17. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		2,402,190,415	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,596,604,904,171	1,306,211,900,222

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2018



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ GIỚI SÓ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19.1	1,142,594,766,827	1,020,277,640,879	3,864,664,501,282	3,843,909,468,369		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19.1	(18,480,049,260)	(11,634,150,403)	(44,580,318,922)	(43,836,052,485)		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19.1	1,124,114,717,567	1,008,643,490,476	3,820,084,182,360	3,800,073,415,884		
4. Giá vốn hàng bán	11	20	(1,034,535,413,402)	(939,111,541,915)	(3,545,367,572,125)	(3,559,311,758,622)		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89,579,304,165	69,531,948,561	274,716,610,235	240,761,657,262		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	7,174,918,460	5,437,538,766	24,486,747,082	19,265,855,640		
7. Chi phí tài chính	22	21	(8,622,942,707)	(8,980,931,274)	(23,869,055,498)	(27,891,556,617)		
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(8,418,303,210)	(4,758,647,787)	(22,683,978,611)	(22,795,497,881)		
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		345,372,542	-	345,372,542	-		
9. Chi phí bán hàng	25	22	(48,479,993,044)	(39,975,314,472)	(127,937,141,372)	(98,266,813,253)		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	(18,317,159,566)	(14,705,465,361)	(54,450,686,478)	(53,825,894,204)		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21,679,499,850	11,307,776,220	93,291,846,511	80,043,248,828		
12. Thu nhập khác	31	23	4,561,711,915	3,019,042,235	9,442,738,094	5,939,822,667		
13. Chi phí khác	32	23	(463,788,567)	(436,736,710)	(3,320,453,297)	(1,699,883,476)		
14. Lợi nhuận khác	40	23	4,097,923,348	2,582,305,525	6,122,284,797	4,239,939,191		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25,777,423,198	13,890,081,745	99,414,131,308	84,283,188,019		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	(4,596,934,227)	(3,133,318,384)	(22,094,876,485)	(17,556,078,789)		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1,022,400,000	-	1,022,400,000	-		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22,202,888,971	10,756,763,361	78,341,654,823	66,727,109,230		
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		22,400,211,676	10,756,763,361	79,171,402,939	66,727,109,230		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(197,322,705)	-	(829,748,116)	66,727,109,230		
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70				1,943	1,685		



Mai Thị Thủy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Thành lập tại Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2018

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		99,414,131,308	84,283,188,019
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4,639,902,878	4,003,934,985
- Các khoản dự phòng	03		13,220,721,931	1,696,894,352
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	395,913,831
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(527,318,304)	(574,266,666)
- Chi phí lãi vay	06		22,683,978,611	22,795,497,881
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		139,431,416,424	112,601,162,402
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(109,890,283,958)	(13,778,194,126)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(150,998,393,212)	(46,264,213,756)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(69,573,773,914)	142,122,354,587
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4,014,242,334)	12,334,889,163
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22,683,978,611)	(23,193,483,167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13,297,094,555)	(18,018,613,431)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(231,026,350,160)	165,803,901,672
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(531,360,000)	(7,495,024,423)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	375,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11,345,841,270)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4,900,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		527,318,304	199,266,666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6,449,882,966)	(6,920,757,757)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số tiền	
		Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	10,000,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2,824,130,661,577	2,691,476,932,074
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,567,660,275,110)	(2,794,714,882,911)
5. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27,720,194,600)	(54,492,790,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	238,750,191,867	(157,730,740,837)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,273,958,741	1,152,403,078
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 32,823,139,329	31,668,848,074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1,888,177
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1 34,097,098,070	32,823,139,329

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2018



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 438 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 386).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Đầu tư</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH M360.VN	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử	Trước hoạt động	100
(4) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Mua bán thực phẩm chức năng	Trước hoạt động	80
(5) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	79.8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua 572.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L (“CL”) với giá phí hợp nhất kinh doanh là 12.480.851.100 VND, tương đương 50,3% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, C.L đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của C.L vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý tạm</i> <i>thời ghi nhận tại</i> <i>ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	1,135,009,830
Các khoản phải thu	19,208,195,646
Tài sản ngắn hạn khác	25,873,893
Hàng tồn kho	15,934,208,637
Tài sản cố định	2,254,037,735
Tài sản ngắn hạn khác	68,058,158
	38,625,383,899
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	7,839,048,082
Vay	13,299,114,119
Các khoản phải trả khác	3,988,272,005
	25,126,434,206
Tổng tài sản thuần	13,498,949,693
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất (50,3%)	6,789,971,696
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	5,690,879,404
Tổng chi phí hợp nhất	12,480,851,100

Vào ngày 8 tháng 12, Nhóm Công ty đã mua thêm 344,900 cổ phiếu của CL, tăng tỷ lệ sở hữu tại CL từ 50.3% lên 79.8%. Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con phát sinh từ nghiệp vụ này được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo hướng dẫn của Thông tư 202 với số tiền là 3,929,263,030 VND (*Thuyết minh số 18.1*).

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	590,173,822	135,644,372
Tiền gửi ngân hàng	33,506,924,248	32,687,494,957
TỔNG CỘNG	34,097,098,070	32,823,139,329

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động	94,542,022,298	45,768,488,070
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	12,692,443,715	22,092,042,871
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Nguyễn Kim	13,447,086,612	23,264,833,716
Các khoản phải thu khách hàng khác	252,179,882,224	234,882,054,787
TỔNG CỘNG	372,861,434,849	326,007,419,444
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(10,108,031,152)	(8,823,019,883)
GIÁ TRỊ THUẦN	362,753,403,697	317,184,399,561

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
XIAOMI H.K Limited	60,108,424,149	-
CK Telecom (Hong Kong) Limited	-	4,480,952,000
CÔNG TY TNHH SỨC BẬT	-	2,923,408,800
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	10,000,000,000	-
Zhuhai Xiaomi Communications Co., Ltd	10,864,174,123	-
Trả trước cho người bán khác	8,369,066,457	2,489,526,976
TỔNG CỘNG	89,341,664,729	9,893,887,776

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	506,838,855	496,558,805
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	32,874,099,492	32,874,099,492
Khác	6,361,816,100	402,191,342
	39,742,754,447	33,772,849,639
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	2,339,780,000	2,323,780,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Hàng hóa	692,521,919,983	540,219,030,384
Hàng gửi đi bán	9,314,160,247	22,447,887,398
Hàng mua đang đi đường	180,327,286,247	151,599,749,460
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	609,466,004	1,573,563,390
TỔNG CỘNG	882,772,832,481	715,840,230,632
Dự phòng HTK	(3,638,204,574)	(1,564,723,760)
GIÁ TRỊ THUẦN	879,134,627,907	714,275,506,872

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	7,953,963,522	3,158,474,139
Công cụ, dụng cụ	179,880,778	839,169,417
	8,133,844,300	3,997,643,556
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	54,157,757	64,209,772
Khác	450,251,591	562,157,986
	504,409,348	626,367,758

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP.HCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B09-DN/HN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số đầu kỳ	21,183,180,735	2,145,916,525	21,801,104,571	2,786,984,429	-	47,917,186,260
Tăng từ hợp nhất	-	-	-	-	3,324,707,235	3,324,707,235
Số cuối kỳ	21,183,180,735	2,145,916,525	21,801,104,571	2,786,984,429	3,324,707,235	51,241,893,495
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	(6,241,661,415)	(1,112,613,771)	(9,859,861,272)	(2,760,391,475)	-	(19,974,527,933)
Tăng từ hợp nhất	-	-	-	-	(1,070,669,500)	(1,070,669,500)
Khấu hao trong năm	(853,605,094)	(366,465,371)	(3,003,447,091)	(17,900,000)	(39,918,450)	(4,281,336,006)
Giảm khác	-	-	-	-	596,040,682	596,040,682
Số cuối kỳ	(7,095,266,509)	(1,479,079,142)	(12,863,308,363)	(2,778,291,475)	(514,547,268)	(24,730,492,757)
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	14,941,519,320	1,033,302,754	11,941,243,299	26,592,954	-	27,942,658,327
Số cuối kỳ	14,087,914,226	666,837,383	8,937,796,208	8,692,954	2,810,159,967	26,511,400,738

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1,959,622,898	56,550,000,000	58,509,622,898
Tăng từ hợp nhất	26,122,200	-	26,122,200
Mua sắm	-	531,360,000	531,360,000
Số cuối kỳ	<u>1,985,745,098</u>	<u>57,081,360,000</u>	<u>59,067,105,098</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(1,666,316,305)	-	(1,666,316,305)
Tăng từ hợp nhất	(26,122,200)	-	(26,122,200)
Khấu hao trong năm	(192,628,296)	-	(192,628,296)
Số cuối kỳ	<u>(1,885,066,801)</u>	<u>-</u>	<u>(1,885,066,801)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	293,306,593	56,550,000,000	56,843,306,593
Số cuối kỳ	<u>100,678,297</u>	<u>57,081,360,000</u>	<u>57,182,038,297</u>

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ mua lại Công ty C.L</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	-
Tăng trong năm	<u>5,758,374,153</u>
Số cuối kỳ	<u>5,758,374,153</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	-
Phân bổ trong năm	<u>(287,918,708)</u>
Số cuối kỳ	<u>(287,918,708)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>5,470,455,445</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**13.1 Phải trả người bán**

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Asus Global Pte. Ltd.	60,691,530,673	51,938,871,042
Acer Incorporated	64,369,163,723	-
Dell Global B.V (Singapore Branch)	19,260,718,750	146,651,917,960
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	19,001,241,350	6,273,423,127
Nhà cung cấp khác	61,608,146,359	71,025,436,751
TỔNG CỘNG	224,930,800,855	275,889,648,880

13.2 Người mua trả tiền trước

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Vision Best Holdings Limited	-	3,760,054,645
Plus One Global Ltd	-	554,592,707
Mega Alliance Holdings Limited	-	3,916,659,490
Khác	2,882,237,082	2,005,204,056
TỔNG CỘNG	2,882,237,082	10,236,510,898

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Chiết khấu thương mại	3,944,893,842	
Chi phí lãi vay	1,566,622,303	478,979,693
Chi phí hoạt động	1,509,320,067	656,221,504
TỔNG CỘNG	7,020,836,212	1,135,201,197

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,816,136,775	5,258,286,874
Thuế thu nhập cá nhân	679,325,091	370,599,805
Các loại thuế khác	598,192,821	-
TỔNG CỘNG	9,093,654,687	5,628,886,679

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	-	1,125,134,996
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	1,707,257,494	1,398,035,455
Phải trả khác	13,195,395,397	14,487,850,303
TỔNG CỘNG	14,902,652,891	17,011,020,754
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	760,429,879	760,429,879
Nhận ký quỹ, ký cược	2,448,000,000	3,293,000,000
TỔNG CỘNG	3,208,429,879	4,053,429,879

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP.HCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B09-DN/HN

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	VND
Vay ngân hàng	342,569,033,686	2,832,736,574,321	(2,554,361,160,991)	620,944,447,016	Số cuối kỳ
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:					
<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngày đến hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức bảo đảm</i>	
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	6,700,000,000	Đến 27/03/2018	5,5	Không tài sản thế chấp	
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	110,500,000,000	Từ ngày 11/02/2018 đến 28/02/2018	Từ 4,3 đến 4,75	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	286,282,643,624	Từ ngày 24/01/2018 đến 22/03/2018	Từ 4,2 đến 4,5	Tại sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD	
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	93,700,000,000	Từ ngày 23/03/2018 đến 24/04/2018	Từ 5,3 đến 5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP.HCM	27,458,593,391	Từ ngày 30/03/2018 đến 27/04/2018	Từ 5,5 đến 5,75	Không tài sản thế chấp	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh 1 TP.HCM	96,303,210,001	Từ ngày 19/02/2018 đến 21/04/2018	5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND	
TỔNG CỘNG	620,944,447,016				

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	306,133,290,000	152,617,941,416	(6,272,937,166)	400,000,000	155,665,959,673	608,544,253,923
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	66,727,109,230	66,727,109,230
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45,692,790,000)	(45,692,790,000)
Số cuối năm	306,133,290,000	152,617,941,416	(6,272,937,166)	400,000,000	176,700,278,903	629,578,573,153
Năm nay						
Số đầu năm	306,133,290,000	152,617,941,416	(6,272,937,166)	400,000,000	176,700,278,903	629,578,573,153
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	79,171,402,939	79,171,402,939
Thay đổi từ tăng sở hữu công ty con (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	(3,929,263,030)	(3,929,263,030)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27,720,194,600)	(27,720,194,600)
Phát hành cổ phiếu	101,384,180,000	(91,384,180,000)	-	-	-	10,000,000,000
Số cuối kỳ	407,517,470,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	224,222,224,212	687,100,518,462

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	40,751,747	30,613,329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	40,751,747	30,613,329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40,751,747	30,613,329
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(151,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(151,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	40,600,278	30,461,860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40,600,278	30,461,860

19. DOANH THU**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	3,864,664,501,282	3,843,909,468,369
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	3,838,646,218,705	3,829,535,070,334
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,018,282,577	14,374,398,035
Các khoản giảm trừ doanh thu	(44,580,318,922)	(43,836,052,485)
DOANH THU THUẦN	3,820,084,182,360	3,800,073,415,884

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	527,318,304	908,694,666
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4,697,038,830	5,359,039,009
Chiết khấu thanh toán được hưởng	18,881,816,042	12,769,934,105
Khác	380,573,906	228,187,860
TỔNG CỘNG	24,486,747,082	19,265,855,640

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,536,759,460,819	3,555,309,386,192
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8,608,111,306	4,002,372,430
TỔNG CỘNG	3,545,367,572,125	3,559,311,758,622

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả	22,683,978,611	22,795,497,881
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	688,469,289	4,509,057,214
Khác	496,607,598	587,001,522
TỔNG CỘNG	23,869,055,498	27,891,556,617

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	127,937,141,372	98,266,813,253
Chi phí nhân viên	52,146,836,068	54,203,102,705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,949,528,598	10,713,830,297
Chi phí bằng tiền khác	59,840,776,706	33,349,880,251
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54,450,686,478	53,825,894,204
Chi phí nhân viên	28,121,696,549	29,496,915,336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,519,205,519	18,816,681,557
Chi phí bằng tiền khác	14,809,784,410	5,512,297,311
TỔNG CỘNG	182,387,827,850	152,092,707,457

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	9,442,738,094	5,939,822,667
Thu nhập từ hăng hỗ trợ	7,729,880,132	5,914,881,777
Thu nhập khác	1,712,857,962	24,940,890
Chi phí khác	(3,320,453,297)	(1,699,883,476)
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	(1,546,197,699)	(1,205,841,743)
Tiền phạt thuế và phạt khác	(1,248,271,485)	-
Các khoản chi phí khác	(525,984,113)	(494,041,733)
LỢI NHUẬN THUẦN	6,122,284,797	4,239,939,191

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	3,545,298,774,115	2,628,262,472,107
Chi phí nhân công	80,268,532,617	61,556,446,664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4,434,045,852	2,888,636,545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27,537,532,127	16,678,472,157
Chi phí bằng tiền khác	70,216,515,264	9,422,926,790
	3,727,755,399,975	2,718,808,954,263

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99,414,131,308	84,283,188,019
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	19,882,826,262	16,856,637,604
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	309,239,540	604,922,235
Doanh thu chưa thực hiện	1,022,400,000	-
Khác	880,410,683	94,518,950
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22,094,876,485	17,556,078,789

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP HCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Lương và thưởng	<u>2,628,665,154</u>	<u>2,061,190,303</u>

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	79,171,402,939	66,727,109,230
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	40,751,747	39,600,278
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1,943	1,685

(*) Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân cho kỳ trước đã được điều chỉnh do hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu trong tháng 1 năm 2017.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ này và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	3,378,555,455	18,036,850,094
Từ 1 đến 5 năm	678,000,000	593,421,722
TỔNG CỘNG	<u>4,056,555,455</u>	<u>18,630,271,816</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng

